

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2021/HS-ST
Ngày 10/12/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Huy Trụ;
2. Ông Trần Đình Đậu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Bích Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 130/2021/TLST-HS ngày 05/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2021/QĐXXST-HS ngày 11/11/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2021/QĐ-HPT ngày 23/11/2021 vì lý do dịch covid, đối với bị cáo:

CHU LY P (tên gọi khác là C) - sinh năm 1982 tại phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Tổ 35B, phố T Đ, phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Cử nhân tài chính; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chu Huy T (đã chết) và bà Nguyễn Thị C - sinh năm 1958; Bị cáo có vợ là Lê Thị P D - sinh năm 1981 và có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/8/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam, Công an tỉnh Phú Thọ, có mặt.

- Người bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn V - sinh năm 1966,
và bà Khương Thị Minh Nt - sinh năm 1978

Địa chỉ: đều ở khu B, phường V, thành phố Việt Trì, Phú Thọ, đều có mặt.

2. Bà Trần Thị Thanh H - sinh năm 1985,

và ông Trần Tiến D - sinh năm 1980

Địa chỉ: đều ở đội 3, khu T, phường M, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, bà H vắng mặt, anh D có mặt.

3. Ông Đỗ Tr T - sinh năm 1972,

và bà Nguyễn Thị N - sinh năm 1977

Địa chỉ: đều ở khu 1, xã T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đều vắng mặt.

- *Người liên quan:*

1. Bà Đỗ Thị D - sinh năm 1987, địa chỉ: tổ 11, khu thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Kim N - sinh năm 1972, địa chỉ: khu 7, xóm X, xã TVương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

3. Ông Hán Đức T- sinh năm 1983, địa chỉ: khu 5, xã Gh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị C - sinh năm 1958, địa chỉ: Tổ 35B, phố TĐ, phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

5. Chị Lê Thị P D - sinh năm 1981, địa chỉ: Tổ 35B, phố T Đ, phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có Tr hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Thời gian từ đầu năm 2017 đến cuối năm 2017, Chu Ly P làm công việc tại Công ty cổ phần khảo sát, đo đạc A T (gọi tắt là Công ty A T, địa chỉ tại tổ 42, phố T, phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ với nhiệm vụ hỗ trợ đo đạc trên thực địa (không có hợp đồng lao động), sau đó P nghỉ việc nhưng khi có công việc Công ty A T vẫn gọi P tham gia hỗ trợ đo đạc cùng nhân viên Công ty. Do vậy, Tr khoảng thời gian từ tháng 3/2019 đến tháng 5/2020, P đi đo đạc và qua người quen giới thiệu nên Ph đã nhiều lần nhận tiền và các giấy tờ của các gia đình ông Nguyễn Văn V và bà KhuThị Minh N, bà Trần Thị Thanh H và ông Trần Tiến D, ông Đỗ Tr T và bà Nguyễn Thị Nh và hứa hẹn sẽ làm hộ các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tách thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông V, bà H, ông T. Sau khi nhận tiền P không làm xong như đã hứa hẹn mà đã lấy toàn bộ số tiền chi tiêu hết cho bản thân, khi ông V, bà H và ông T đòi tiền thì P không có tiền để trả lại và đã bỏ trốn. Cụ thể P nhận tiền các lần như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng tháng 3 năm 2019, khi P đang đi đo đạc đất có gặp bà Khương Minh Nt, bà N hỏi P làm ở đâu, tên là gì, P giới thiệu tên là C (tên thường gọi ở nhà của P), làm cho Công ty AT. Bà N hỏi P có làm được giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất không, do P có biết thủ tục làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã trả lời bà N là làm được, sau đó bà Ng chủ động xin số điện thoại của P. Đến tháng 5 năm 2019, do có nhu cầu làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 125 m² đất ở và chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho 250 m² đất vườn ở phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, chồng bà N là ông Nguyễn Văn V đã trực tiếp liên lạc, trao đổi qua điện thoại với P về thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và ông V đã hẹn để gặp P. Ngày 27/5/2019, tại nhà ông V ở khu 1B, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, P và ông V trao đổi thống nhất P sẽ đi làm hộ gia đình ông V giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất, sau đó ông V đã đưa cho P số tiền 8.620.000đồng để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 125 m² đất ở tại phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Khi nhận tiền P có viết giấy nhận tiền với ông V, giấy biên nhận đề ngày 27/5/2019 với tên Nguyễn Minh Công ở tổ 35B, khu Thi Đua, phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Đến ngày 25/10/2019, P đưa anh Hán Đức Tr, sinh năm 1983, trú tại: Khu 5, xã Gia Thanh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ là cán bộ Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng Phú Thọ đến nhà ông V để đo đất, vẽ bản đồ và thu trực tiếp số tiền 2.250.000đồng là tiền phí đo đạc đất. Khi nhận tiền P có viết giấy nhận tiền đề ngày 25/10/2019 và ký tên Công. Đến ngày 04/11/2019, P đến nhà ông V nhận hồ sơ gồm: 01 biên bản cắm đất ngày 20/6/1990, 01 biên bản tách đất thổ cư gốc ngày 10/6/1992, 01 biên bản ký giáp ranh. Khi nhận các giấy tờ này, P có viết giấy biên nhận hồ sơ đề ngày 04/11/2019 và ký tên “Nguyễn T. Công”. Ngày 11/11/2019, tại nhà ông V, P nhận tiếp số tiền 37.500.000đồng ông V đưa để hoàn thành việc hợp thức 250 m² đất vườn, P hẹn đến ngày 26/12/2019 sẽ hoàn thành trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V và viết giấy biên nhận đề ngày 11/11/2019 với tên “Nguyễn Tiến Công, HKTT: tổ 35B, khu Thi Đua, ngõ 133, SN 06, phường T, Việt Trì, Phú Thọ”. Ngày 08/12/2019, P đến nhà ông V và tiếp tục nhận thêm số tiền 8.750.000đồng từ ông V với mục đích chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho diện tích đất 250 m², P viết giấy biên nhận đề ngày 08/12/2019 với tên “Nguyễn Tiến Công”. Tổng số tiền P đã nhận của ông V là 57.120.000đồng. Sau khi nhận số tiền này, P đã chi tiêu cá nhân hết, còn hồ sơ của ông V, P để ở nhà, không đi làm hộ ông V. Khi đến thời gian hẹn, ông V hỏi thì P hứa hẹn với ông V cho thêm thời gian sẽ làm cho ông. Sau nhiều lần quá thời gian hẹn, ông V bảo P trả lại tiền nhưng P không trả được và đã bỏ trốn khỏi địa P. Đến tháng 02 năm 2021, ông V đến nhà P đòi lại giấy tờ và tiền, P đã gọi điện cho vợ là chị Lê Thị P Dung trả lại toàn bộ giấy tờ cho ông V, còn số tiền 57.120.000đồng do P đã tiêu hết nên không trả được.

Lần thứ 2: Khoảng tháng 9 năm 2019, ông Trần Tiến D và vợ là chị Trần Thị Thanh H có mua 01 thửa đất thuộc đội 3, khu Thông Đậu, phường Minh Nông, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Do có nhu cầu làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên bà H đã thuê Công ty AT đo đạc thực tế diện tích đất. Ngày 11/9/2019, Công ty AT đã cử anh Nguyễn Thành Tâm, sinh năm 1982, trú tại: Khu Hà Liễu, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tiến hành đo đạc và có Chu Ly P đi hỗ trợ cùng. Sau khi đo đạc hiện trạng đất của bà H thì diện tích thực tế tăng thêm 19,7 m² so với diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh D và Chu Ly P có quen biết từ lâu do là hàng xóm ở phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ nên bà H và ông D đã nhờ P đi làm hợp thức 19,7 m² đất tăng thêm vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và làm hồ thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. P đồng ý giúp bà H và nói chi phí hết 15.900.000đồng. Ngày 12/9/2019, bà H đã chuyển số tiền 8.200.000đồng từ tài khoản 101866185888 của bà H tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam đến số tài khoản 42110000213082 của Chu Ly P tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Ngày 26/9/2019 P đến nhà bà H, bà H chuyển khoản nốt số tiền còn lại là 7.700.000đồng đến tài khoản của P (như ngày 12/9/2021) và đưa cho P các giấy tờ gồm: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng mua bán, sơ đồ bản vẽ đo đạc, hóa đơn đỏ việc đo đạc. P có nói thời gian làm thủ tục mất khoảng 45 ngày. Sau khi nhận tiền, do có việc nên P đã lấy tiền chi tiêu cá nhân hết, đến ngày hẹn trả giấy tờ, P nói với bà H là do bận nên chưa có thời gian làm. Từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 3 năm 2020, bà H liên tục thúc giục P làm thủ tục nhưng P đều thất hẹn. Đến tháng 6 năm 2020, bà H đến nhà P để đòi lại tiền và giấy tờ nhưng P đã bỏ trốn khỏi địa P, P đã gọi điện thoại cho vợ là chị Lê Thị P Dung bảo chị Dung trả lại toàn bộ giấy tờ cho bà H. Còn số tiền 15.900.000 đồng P nhận của bà H, P đã chi tiêu cá nhân hết không có khả năng trả cho bà H.

Lần thứ ba: Khoảng tháng 02 năm 2020, do có nhu cầu tách thửa, sang tên và chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thông qua các mối quan hệ quen biết anh Đỗ Tr T đã xin được số điện thoại của P. Ông T đã chủ động liên lạc, gặp và nhờ P đi làm thủ tục tách thửa, sang tên và chuyển đổi mục đích sử dụng đất giúp mình. P đồng ý, hai bên thống nhất tiền công cho P là 8.000.000đồng. Ngày 25/02/2020, P đưa anh Hán Đức Tr đến đo đạc, xác định diện tích thực tế của thửa đất số 30 tờ bản đồ số 07 tại xóm Gạo, xã Trung Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ của ông T. Sau khi đo đạc xong, P thu của ông T số tiền 3.000.000đồng là tiền đo đạc. Ngày 02/5/2020, P đưa chị Đỗ Thị Dung là Công chứng viên văn Phòng công chứng Âu Cơ, địa chỉ tại phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đến làm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất từ bố của ông T là ông Đỗ Tr Cát, sinh năm 1962, trú tại: xã Trung Vương, thành phố

Việt Trì, tỉnh Phú Thọ cho ông T và chị gái của ông T là bà Đỗ Thị Bích Thủy, sinh năm 1968 và chồng chị Thủy là ông Vi Vũ Nghinh, sinh năm 1962, cùng trú tại: Phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Sau khi làm hợp đồng công chứng xong, ông Nghinh đã nộp số tiền phí công chứng là 1.000.000 đồng cho chị Dung. Ngày 04/5/2020, ông T đã đưa trực tiếp cho P số tiền 5.000.000 đồng là tiền ứng trước để làm thủ tục. Ngày 20/5/2020, P nói với ông T cần nộp tiền thuế đất, ông T đã đưa cho P số tiền 31.900.000 đồng và nhờ P nộp hộ. Khi giao tiền các ngày 25/02/2020, ngày 04/5/2020 và ngày 20/5/2020 ông T và P không viết giấy biên nhận. Tổng số tiền P đã nhận của ông T là 39.900.000 đồng, sau khi nhận được tiền, P đã đi mua 01 bộ hồ sơ hết 70.000 đồng, số tiền còn lại P đã chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 29/5/2020, tại nhà chị vợ của ông T là bà Nguyễn Thị Kim Nhan, sinh năm 1972, trú tại: Khu 7, xóm Đình, xã Trung Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, P đã viết giấy biên nhận ghi ngày 29/5/2020 với tên Nguyễn Minh Công, nội dung giấy biên nhận thể hiện các lần nhận tiền, mục đích nhận tiền và hẹn đến ngày 30/6/2020 sẽ hoàn thành và trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T. Đến ngày hẹn nhưng P chưa làm thủ tục chuyển nhượng và liên tục khát lần không trả tiền cho ông T vì đã chi tiêu cá nhân hết nên P đã bỏ trốn khỏi địa P.

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Việt Trì đã tiến hành cho các bị hại nhận dạng, xác định Chu Ly P, sinh năm 1982, đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 35B, phố Thi đua, phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ chính là người đã nhận tiền và hồ sơ của các bị hại và là người đã viết các giấy biên nhận với tên Nguyễn Minh Công, Nguyễn Tiến Công. Tại Cơ quan điều tra, P thừa nhận chữ viết, chữ ký Tr các giấy biên nhận các ngày 27/5/2019, 25/10/2019, 04/11/2019, 11/11/2019, 08/12/2019 và ngày 29/5/2020 đều là chữ viết, chữ ký của P. Quá trình viết các giấy tờ trên P đều tự nguyện, không bàn bạc, thống nhất với ai.

Quá trình thỏa thuận, hay viết các giấy biên nhận, P đều sử dụng các tên như Nguyễn Minh Công, Nguyễn Tiến Công. Tuy tên đệm khác nhau, nhưng phần địa chỉ, chỗ ở và năm sinh thì ghi chính xác địa chỉ, năm sinh của P. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại gia đình, khu dân cư nơi P sinh sống, Công ty AT đều được cung cấp tên thường gọi từ nhỏ đến lớn của P là Công.

Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình nhận tiền từ các bị hại, P đã đưa người đến đo đạc đất của gia đình các bị hại, sau khi nhận tiền cũng đã mua hồ sơ cho gia đình các bị hại, tuy nhiên vì việc cá nhân nên P đã chi tiêu hết số tiền các bị hại đưa P. Sau khi tiêu hết tiền, P không còn tiền để làm được các thủ tục chuyển nhượng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sang tên như đã hứa với các bị hại. Đến ngày hẹn trả giấy tờ, P liên tục khát lần không trả, sau đó P đã bỏ trốn khỏi địa P.

Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra, bị cáo P đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, phù hợp với các giấy tờ, tài liệu bị hại cung cấp, các biên bản xác minh và các tài liệu, chứng cứ khác có Tr hồ sơ vụ án;

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo P đã tác động bà Nguyễn Thị Chính là mẹ đẻ của P, để bồi thường khắc phục hậu quả cho các bị hại, cụ thể: trả cho ông Nguyễn Văn V số tiền 25.000.000đồng, ông V xin giảm nhẹ hình phạt cho P và yêu cầu bị cáo tiếp tục hoàn trả số tiền còn thiếu là 32.120.000đồng; trả cho bà Trần Thị Thanh H số tiền 10.000.000đồng, bà H xin giảm nhẹ hình phạt cho P và yêu cầu P tiếp tục hoàn trả lại số tiền còn thiếu 5.900.000đồng; P cũng đã tác động đến chị Lê Thị P Dung là vợ bị cáo trả cho ông Đỗ Quang T số tiền 15.000.000đồng, ông T xin giảm nhẹ hình phạt cho P và yêu cầu P tiếp tục trả lại số tiền còn thiếu là 24.900.000đồng.

Về điều kiện kinh tế của bị cáo P, Cơ quan điều tra xác định: Ngoài đồ dùng sinh hoạt hàng ngày, P không có tài sản riêng gì có giá trị.

Tại Cáo trạng số: 134/CT-VKSVT ngày 04/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đã quyết định truy tố bị cáo Chu Ly P về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Chu Ly P phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175, Điều 38, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật Hình sự và Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo P từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/8/2021. Hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589, Điều 357 của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo P phải trả cho ông Nguyễn Văn V và bà Khương Minh N số tiền 32.120.000đồng; phải trả cho bà Trần Thị Thanh H và ông Trần Tiến D số tiền 5.900.000đồng; phải trả cho ông Đỗ Quang T và bà Nguyễn Thị Nh số tiền 24.900.000đồng.

3. Về án phí: Buộc bị cáo P phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.146.000đồng án phí dân sự Tr án hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không tham gia tranh luận đối với bản luận tội và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát; Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa, trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu Tr hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:* Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Việt Trì, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, Kiểm sát viên Tr quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Về những căn cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội:* Tr khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2019 đến tháng 5 năm 2020, Chu Ly P lợi dụng sự tin tưởng của ông Nguyễn Văn V đưa cho P số tiền 57.120.000đồng, chị Trần Thị Thanh H đưa cho P 15.900.000đồng, anh Đỗ Tr T đưa cho P 39.900.000đồng để P làm hộ các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tách thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sang tên quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông V, bà H, ông T. Sau khi nhận được tiền P đã chi tiêu hết cho bản thân và đã bỏ trốn khỏi địa P. Tổng số tiền P đã chiếm đoạt của ông V, bà H và ông T là 112.920.000đồng. Quá trình điều tra, truy tố Chu Ly P đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình ông V 25.000.000đồng, cho gia đình bà H 10.000.000đồng, cho gia đình ông T 15.000.000đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Điểm c Khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào thực hiện một Tr các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một Tr các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là P tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải T không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

...

2. Phạm tội thuộc một Tr các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

....

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;”

[3]. *Về tính chất, mức độ nghiêm Tr của hành vi phạm tội:* Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện tính coi thường pháp luật, đã gây mất trật tự trị an tại địa P, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bức xúc Tr dư luận quần chúng nhân dân; bị cáo nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện tội phạm nên phạm tội cố ý trực tiếp.

[4]. *Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình:* Bị cáo có nhân thân tốt; Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 là “Phạm tội 02 lần trở lên”; bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là bị cáo tác động đến gia đình bồi thường cho người bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tích cực bồi thường khắc phục hậu quả”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, mẹ của bị cáo được Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và xã hội tặng Bằng khen vì đã có nhiều thành tích Tr công tác cai nghiện, phục hồi cho người nghiện ma túy, nên khi lượng hình cũng xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự là quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[5]. *Về hình phạt bổ sung:* Khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự còn quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 100.000.000đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Quá trình điều tra xác minh, bị cáo P ngoài đồ dùng sinh hoạt thiết yếu cá nhân, không có tài sản gì khác có giá trị. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

[6]. *Về trách nhiệm dân sự:* Xác nhận số tiền bị cáo tác động để gia đình bồi thường cho các bị hại, bị cáo còn tiếp tục phải trả cho các bị hại số tiền cụ thể: cho ông Nguyễn Văn V và bà Khương Minh N số tiền 32.120.000đ; cho bà Trần Thị Thanh H và ông Trần Tiến D số tiền 5.900.000đ; cho ông Đỗ Quang T và bà Nguyễn Thị Nh số tiền 24.900.000đ.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với việc Chu Ly P khai khi đo đất đã đưa cho anh Hán Đức Tr số tiền 1.300.000 đồng, P không có tài liệu gì chứng minh việc này. Bản thân anh Tr thừa nhận đã đi đo đất cùng P 02 lần ở xã Trung Vương và ở phường Vân Phú, P đã đưa cho anh Tr 1.200.000 đồng cho 02 lần đi đo đất. Do đi đo đã lâu nên anh Tr không nhớ địa chỉ cụ thể, tên chủ nhà và số tiền cụ thể mỗi lần đi đo, vì không có căn cứ ngoài lời khai của P, nên không yêu cầu anh Tr có trách nhiệm với số tiền 1.300.000đồng là phù hợp.

[8]. *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự Tr án hình

sự theo quy định của pháp luật.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì tại phiên tòa là phù hợp, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 175; Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Chu Ly P phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

Xử phạt bị cáo Chu Ly P 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 8 năm 2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589, Điều 357 của Bộ luật Dân sự và Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Buộc bị cáo Chu Ly P phải trả tiền cho những người sau đây:

- Trả cho ông Nguyễn Văn V và bà Khương Minh N số tiền 57.120.000đ (Năm mươi bảy triệu một trăm hai mươi nghìn đồng), xác nhận bị cáo P đã trả cho ông V, bà N số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), bị cáo còn phải tiếp tục trả số tiền 32.120.000đ (Ba mươi hai triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

- Trả cho bà Trần Thị Thanh H và ông Trần Tiến D số tiền 15.900.000đ (Mười lăm triệu chín trăm nghìn đồng), xác nhận bị cáo P đã trả cho bà H và anh D số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), bị cáo còn phải tiếp tục trả số tiền 5.900.000đ (Năm triệu chín trăm nghìn đồng).

- Trả cho ông Đỗ Quang T và bà Nguyễn Thị Nh số tiền 39.900.000đ (Ba mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng), xác nhận bị cáo P đã trả cho ông T và bà Nh số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), bị cáo còn phải tiếp tục trả số tiền 24.900.000đ (Hai mươi tư triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7c và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Chu Ly P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.146.000đ (Ba triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự Tr án hình sự.

Tr hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm; Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Tr hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND TP Việt Trì;
- Bị cáo; Người bị hại
- Người có QLNV liên quan;
- Cơ quan CSĐT CATP Việt Trì;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam CA tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THA dân sự Tp Việt Trì;
- Lưu HS+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Dũng